

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2021/DS-PT

Ngày: 08-02-2021

“V/v tranh chấp hợp đồng
tặng cho quyền sử dụng đất
và yêu cầu hủy Giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh.

Các Thẩm phán:

1. Bà Trịnh Thị Phúc.

2. Bà Huỳnh Thị Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hoàng Dung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh LA.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh LA tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng – Kiểm sát viên.

Vào ngày 08 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh LA mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 638/2020/TLPT-DS ngày 24 tháng 12 năm 2020 về việc “tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 29/2020/DS-ST ngày 28/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện TTr bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 627/2020/QĐ-PT ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 42/2021/QĐ-PT ngày 29/01/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1/ Ông Phạm Văn T, sinh năm 1937.

2/ Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1941.

Cùng địa chỉ: Số 12 ấp 1, xã QMT, huyện TTr, tỉnh LA.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Điền Th, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số 166 ấp 5, xã TL, huyện MH, tỉnh LA.

Bị đơn: Ông Phạm Văn D, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số 12 ấp 1, xã QMT, huyện TTr, tỉnh LA.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ủy ban nhân dân huyện TTr, tỉnh LA.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Th L – Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Phước Tr – Phó Chủ tịch.

2/ Ủy ban nhân dân xã QMT, huyện TTr, tỉnh LA.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc Thn – Chủ tịch.

3/ Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp 7, xã NhCh, huyện BL, tỉnh LA.

4/ Bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1972.

5/ Bà Phạm Thị Bích Hn, sinh năm 1994.

Cùng địa chỉ: Số 12 ấp 1, xã QMT, huyện TTr, tỉnh LA.

Người kháng cáo: Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B.

(Ông Th, ông T1, bà H, bà Hn có mặt tại phiên tòa; các đương sự khác vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/12/2019, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị B và tại phiên tòa ông Phạm Điền Th là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 25/10/2017, ông T và bà B có tặng cho ông Phạm Văn D quyền sử dụng đất là phần đất thửa 896 một phần thửa 540; thửa đất 897 một phần thửa 540; thửa 899 một phần thửa 635 cùng tọa lạc tại ấp 1, xã QMT, huyện TTr, tỉnh LA theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân xã QMT, huyện TTr, tỉnh LA chứng thực. Sau đó, ông D hợp T cả các thửa đất trên thành thửa số 901, tờ bản đồ số 14 và được Ủy ban nhân dân huyện TTr cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số CI 380687 ngày 10/5/2018 cho ông Phạm Văn D.

Khi ông T, bà B tặng cho quyền sử dụng đất ông D với điều kiện ông D được quyền sử dụng, không được thế chấp chuyển nhượng cho người khác. Tuy nhiên, ông D tự ý bán thửa đất số 901 cho ông Phạm Văn T1 để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Nay ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị B yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông T, bà B với ông Phạm Văn D được Ủy ban nhân dân xã QMT chứng thực ngày 20/10/2017; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 380687 đối với thửa đất số 901, tờ bản đồ số 14 do Ủy ban nhân dân huyện TTr, tỉnh LA cấp ngày 10/5/2018 cho ông Phạm Văn D; Công nhận thửa đất số 901, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại ấp 1, xã QMT, huyện TTr, tỉnh LA là của ông T, bà B. Đối với các tài sản trên đất, ông T và bà B xác định không tranh chấp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Văn D trình bày:

Ngày 25/10/2017, ông T và bà B có tặng cho ông các quyền sử dụng đất là phần đất thửa 896 một phần thửa 540; thửa đất 897 một phần thửa 540; thửa 899

một phần thửa 635 cùng tọa lạc Ấp 1, xã QMT, huyện TTr, tỉnh LA do Ủy ban nhân dân xã QMT, huyện TTr, tỉnh LA chứng thực. Sau đó, ông đã hợp T cả các thửa đất trên thành thửa số 901, tờ bản đồ số 14 và được Ủy ban nhân dân huyện TTr cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số CI 380687 ngày 10/5/2018.

Ông T và bà B có nói (không làm văn bản) cho quyền sử dụng đất với điều kiện không được mua bán, chuyển nhượng, thế chấp, tặng cho người khác.

Do không có tiền tiêu xài cá nhân nên ông có lấy bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vay tiền của ông Phạm Văn T1 để lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Ông đồng ý theo yêu cầu của ông T, bà B là hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và trả cho ông T, bà B thửa đất số 901, tờ bản đồ số 14 do Ủy ban nhân dân huyện TTr cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số CI 380687 ngày 10/5/2018 cho ông Phạm Văn D.

Đối với tài sản trên đất, ông xác định không tranh chấp.

Ông đang cùng với bà Nguyễn Thị Thúy H, Phạm Thị Bích Hn và Phạm Quốc Vinh, sinh năm 2004 sinh sống trên thửa đất 901.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện TTr do ông Trịnh Phước Tr đại diện có yêu cầu vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã QMT vắng mặt nhưng tại văn bản ngày 21/02/2020 có ý kiến như sau:

Ngày 25/10/2017 Ủy ban nhân dân xã có chứng thực hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị B với nội dung cho đất cho ông Phạm Văn D.

Tại thời điểm chứng thực hợp đồng đều có mặt ông T, bà B, ông D và các đương sự đều có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật.

Cán bộ Tư pháp đã thông tin toàn bộ nội dung của hợp đồng cho các bên nghe, giao hợp đồng cho các bên xem lại và T cả đồng ý ký tên vào hồ sơ đồng thời tham mưu Ủy ban nhân dân xã ký chứng thực cùng ngày.

Ủy ban nhân dân xã xác nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông T, bà B và ông D là hoàn toàn tự nguyện, đúng trình tự theo quy định của pháp luật về chứng thực.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn T1 trình bày:

Năm 2018 ông Phạm Văn D có chuyển nhượng cho ông phần đất thửa số 901, tờ bản đồ số 14 tọa lạc ấp 1, xã QMT huyện TTr tỉnh LA và ông có đưa cho ông D số tiền cọc là 190.000.000đ. Do ông D không thực hiện như thỏa Thn nên ông khởi kiện yêu cầu ông D trả lại tiền và đã giải quyết theo bản án có hiệu lực pháp luật.

Đến nay, ông D chưa trả cho ông số tiền 190.000.000đ nên ông không đồng ý việc ông D hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và trả đất cho ông T, bà B.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thúy H trình bày:
Bà là vợ của ông Phạm Văn D và bà thống nhất với ý kiến của ông D, không có ý kiến bổ sung gì thêm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Bích Hn vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 28/4/2020 có ý kiến: Chị là con của ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Thúy H. Hiện nay chị Hn đang sinh sống trên thửa đất số 901 tờ bản đồ số 14 tọa lạc ấp 1, xã QMT huyện TTr tỉnh LA. Chị Hn đồng ý trả lại thửa đất 901 cho bà Nguyễn Thị B, ông Phạm Văn T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 29/2020/DS-ST ngày 28/7/2020 Tòa án nhân dân huyện TTr đã căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 459 Bộ luật Dân sự; Điều 100, 166, 203 Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị B với ông Phạm Văn D: Yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân xã QMT, huyện TTr, tỉnh LA chứng thực ngày 25/10/2017; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 380687 do Ủy ban nhân dân huyện TTr cấp cho ông Phạm Văn D vào ngày 10/5/2018 đối với thửa số 901, tờ bản đồ số 22, tọa lạc ấp 1, xã QMT, huyện TTr, tỉnh LA; Công nhận quyền sử dụng đất thửa 901, tờ bản đồ số 22, tọa lạc ấp 1, xã QMT, huyện TTr, tỉnh LA là của ông T, bà B.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị B được miễn án phí.

Về các chi phí: Đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ là 1.484.000đ (một triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn đồng). Ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị B phải chịu chi phí này. Ông T, bà B đã nộp xong.

Ngoài ra, án còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ của các bên ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 12/8/2020, ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B cùng kháng cáo không đồng ý toàn bộ nội dung quyết định của bản án sơ thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét khách quan việc ông T và bà B cho ông D có kèm theo điều kiện không được thế chấp, chuyển nhượng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên không thỏa Thn được với nhau, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và không rút yêu cầu kháng cáo và các đương sự tranh luận như sau:

- Ông Phạm Điền Th đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B tranh luận: Mặc dù trong Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được xác lập giữa ông T, bà B với ông Phạm Văn D không có ghi điều kiện nhưng các bên có thỏa Thn bên ngoài bằng lời nói là ông D không được cầm cố, thế chấp, chuyển nhượng....; đồng thời sau khi xét xử sơ thẩm, gia đình ông T tìm lại được “Giấy cho đất” ngày 18/10/2017 cũng thể hiện điều này. Vì vậy, đề

ngợi Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông T và bà B để cải sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Chị Phạm Thị Bích Hn tranh luận: Bà và cả gia đình bà ở trên phần đất nêu trên, cha của bà là ông Phạm Văn D không biết chữ nên ai đưa gì cũng ký vào và khi ông bà nội của bà là ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B tặng cho đất ông D có nói rõ là ông D không được cầm cố, thế chấp, chuyển nhượng....Nay ông D vi phạm cần trả đất lại cho ông, bà nội của bà.

- Ông Phạm Văn T1 tranh luận: Việc ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B tặng cho đất ông Phạm Văn D không có nêu điều kiện và “Giấy cho đất” ngày 18/10/2017 cũng do các bên trong gia đình tự lập ra, không có xác nhận của chính quyền địa phương. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T và bà B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị Thúy H tranh luận: Trước đây ông Phạm Văn D (chồng bà) đã vay của ông T1 số tiền 15.000.000 đồng; bà là người đứng ra trả nợ thay cho ông D và yêu cầu ông T1 không cho ông D vay nữa nhưng ông T1 vẫn cho vay. Nay bà không đồng ý với yêu cầu của ông T1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh LA phát biểu:

- Về pháp luật tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo tố tụng. Các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình. Kháng cáo hợp lệ đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung kháng cáo:

Vào ngày 25/10/2017, ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B xác lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân xã QMT, huyện TTr, tỉnh LA chứng thực để tặng cho ông Phạm Văn T thửa đất số 901, tờ bản đồ số 14, diện tích 330,9m², tọa lạc tại ấp 1, xã QMT, huyện TTr, tỉnh LA. Trong hợp đồng không thể hiện điều kiện; đồng thời “Giấy cho đất” ngày 18/10/2017 do ông Th đại diện cho ông T, bà B xuất trình tại phiên tòa phúc thẩm không thể hiện có chữ ký của ông D và xác nhận của chính quyền địa phương nên không được xem là chứng cứ theo quy định của pháp luật tố tụng. Do đó, việc nguyên đơn cho rằng ông Phạm Văn D vi phạm điều kiện Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên để yêu cầu hủy hợp đồng và hủy giấy chứng nhận là không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết như trên là đúng quy định của pháp luật; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B kháng cáo hợp lệ và thực hiện đúng thủ tục tố tụng nên được chấp nhận xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thị Bích Hn, Ủy ban nhân dân xã QMT đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án cấp phúc thẩm vẫn xét xử.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân xã QMT, huyện TTr, tỉnh LA chứng thực số 231, Quyền số 01-SCT/HĐGD ngày 25/10/2017 thể hiện ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B tặng cho ông Phạm Văn D phần đất thuộc thửa số 896, diện tích 169,2m², thửa số 897, diện tích 82,7m², thửa số 899, diện tích 79m², cùng tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại ấp 1, xã QMT, huyện TTr, tỉnh LA theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 995894, BD 995896 do Ủy ban nhân dân huyện TTr cấp cùng ngày 25/11/2010.

[2.2] Trên cơ sở tặng cho của các đương sự, Ủy ban nhân dân huyện TTr cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 380687 ngày 10/5/2018 với thửa đất mới được hình thành là thửa số 901, tờ bản đồ số 14, diện tích 330,9m², tọa lạc tại ấp 1, xã QMT, huyện TTr, tỉnh LA.

[2.3] Ông T và bà B hoàn toàn tự nguyện khi xác lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên và Ủy ban nhân dân xã QMT chứng thực đúng theo quy định tại Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ trên cơ sở đề nghị của đương sự. Ông T và bà B cho rằng khi tặng cho ông D phần đất trên có điều kiện là ông D không được thế chấp, chuyển nhượng. Tuy nhiên, trong Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất không thể hiện bất kỳ điều kiện ràng buộc nào và tại phiên tòa phúc thẩm ông Th cũng thừa nhận điều này. Việc ông T, bà B và ông D thống nhất thừa nhận có thỏa Thn điều kiện tặng cho bằng lời nói nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh việc thỏa Thn điều kiện tặng cho diễn ra trước khi ông D có nghĩa vụ thi hành Bản án dân sự phúc thẩm số 320/2019/DS-PT ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh LA và Quyết định thi hành án số 264/QĐ-CCTHADS ngày 13/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TTr nên không thể chấp nhận có điều kiện trong việc tặng cho quyền sử dụng đất giữa các đương sự.

Bên cạnh đó, tại phiên tòa phúc thẩm ông Th xuất trình “Giấy cho đất” ngày 18/10/2017 nhưng đây là bản viết tay không có chính quyền xác nhận và ông D không ký tên nên không có cơ sở xem xét đánh giá là chứng cứ, như đại diện Viện kiểm sát nhận định. Do đó, việc giải quyết và đưa ra phán quyết như trên của Tòa án cấp sơ thẩm là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Từ đó thấy rằng kháng cáo của nguyên đơn Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B là không có cơ sở và lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với pháp luật hiện hành nên được chấp nhận để giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Miễn cho ông T và bà B do đã trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Những nội dung khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 308, Điều 293, Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 29/2020/DS-ST ngày 28/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện TTr, tỉnh LA.

Căn cứ vào Điều 26, 35, 39, 147, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 459 Bộ luật Dân sự; Điều 100, 166, 203 Luật đất đai; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị B với ông Phạm Văn D: Yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân xã QMT, huyện TTr, tỉnh LA chứng thực ngày 25/10/2017; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 380687 do Ủy ban nhân dân huyện TTr cấp cho ông Phạm Văn D vào ngày 10/5/2018 đối với thửa số 901, tờ bản đồ số 22, tọa lạc Ấp 1, xã QMT, huyện TTr, tỉnh LA; Công nhận quyền sử dụng đất thửa 901, tờ bản đồ số 22, tọa lạc ấp 1, xã QMT, huyện TTr, tỉnh LA là của ông T, bà B.

[2] Về các chi phí: Đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ là 1.484.000 đồng (một triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn đồng). Ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị B phải chịu chi phí này. Ông T, bà B đã nộp xong.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị B được miễn án phí.

[4] Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Thn thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh LA;
- T1ND cấp huyện;
- Chi cục THADS cấp huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Cảnh